

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-03-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Trọng Nhơn.

Bà Phan Thị Trang Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà Cao Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2006, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Gia T2, sinh ngày 21/05/2011, hiện nay hai người con đang sống với ông S. Khi ly hôn, cháu Kiều T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa

án xem xét; đối với cháu Gia T3, bà T đồng ý giao cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, ông Nguyễn Thanh S1 trình bày:*

Về hôn nhân: Ông S1 và bà T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn với ông S1, ông S1 đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 07/12/2006 và Nguyễn Gia T2, sinh ngày 21/05/2011, hiện nay hai người con đang sống với ông S1. Khi ly hôn, nguyện vọng của 02 con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Bà Cao Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh S, yêu cầu xem xét việc nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông S cư trú tại khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Minh S có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì đang làm việc ở xa, điều kiện đi lại khó khăn; yêu cầu này của các đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận kết hôn số 111, ngày 29/8/2016, quyển số 01, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị T và ông Nguyễn Minh S được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Cao Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh S, ông S đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của các đương sự không đạt được, có duy

trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị T với ông Nguyễn Minh S theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Có hai người con chung;

Cháu Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 07/12/2006 (nữ);

Cháu Nguyễn Gia T2, sinh ngày 21/05/2011 (nam).

Hiện nay hai người con đang sống với ông S. Khi ly hôn, bà T xác định cháu Kiều T1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét; đối với cháu Gia T2 bà T đồng ý giao cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S cho rằng nguyện vọng của 02 con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của ông S và bà T là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 được thể hiện tại biên bản (về việc ghi ý kiến của con chung) ngày 13/12/2025: Cháu Gia T2 có nguyện vọng sống với cha (ông S) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Kiều T1 đã trưởng thành nên không giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Cao Thị Thanh ly H đối với ông Nguyễn Minh S.

Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 07/12/2006 (nữ) đã trưởng thành nên không xem xét; giao cháu Nguyễn Gia T2, sinh ngày 21/05/2011 (nam) cho ông Nguyễn Minh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014315 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền